TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2018/HNGĐ.ST
Ngày **12/4/2018**
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sang**
2. Ông **Nguyễn Văn Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung-** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông **Cao Văn Bền**.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 Tòa án nhân dân Quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 235/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/QĐXXST- HN ngày 28/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trương Thị Thanh T;** sinh năm: 1984. ĐKTT: khu vực Y, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: Khóm B, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Tạ Thanh N;** Sinh năm: 1977. Địa chỉ: khu vực Y, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 18/8/2017 của nguyên đơn là bà Trương Thị Thanh T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày*:**

Bà và ông Tạ Thanh N tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Sau khi chung sống thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt, kéo dài đến tháng 10/2006 thì ly thân cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là: Tạ Thiên N1 (nữ) sinh ngày 26/7/2006; Tạ Thanh N2 (nam) sinh ngày 20/11/2009 và Tạ Ngọc N3 (nữ) sinh ngày 28/10/2011. Ba con hiện đang sống chung với bà. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Tạ Thanh N không tham dự phiên hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai của ông Tạ Thanh N ngày 04/12/2017, ông N cho rằng: Ông và bà T kết hôn vào năm 2004, đến năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà T ngoại tình bị ông bắt gặp. Tuy nhiên, do hiện tại ông chưa đủ bằng chứng khởi kiện hành vi của bà T nên ông không đồng ý ly hôn vì ông muốn làm rõ việc ngoại tình của bà T. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Tạ Thiên N1, Tạ Thanh N2 và Tạ Ngọc N3. Cháu N3 hiện do bà T nuôi dưỡng, còn Tạ Thiên N1 và Tạ Thanh N2 ông cho về thăm bà T từ ngày 02/12/2017 cho đến nay. Hiện tại 03 đứa con đang ở Sóc Trăng với bà T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông không đồng ý nuôi các con do ông không đủ khả năng và hiện tại đang thất nghiệp. Về tài sản chung và nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của quá trình giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho bà T được ly hôn với ông N.

+ Về con chung: giao 03 con cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom con chung cho ông N theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.

+ Về nợ: không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Do ông Tạ Thanh N và bà Trương Thị Thanh T có con chung là Tạ Thiên N1 (nữ) sinh ngày 26/7/2006 nên Hội đồng xét xử xác định thời điểm ông N bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại

Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có 03 con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, lẽ ra cả hai vợ chồng phải có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đỗ vở là điều tất yếu. Nay bà T yêu cầu ly hôn, còn ông N cho rằng dù duy trì cuộc hôn nhân này không hạnh phúc thì ông vẫn không đồng ý ly hôn vì ông muốn làm rõ việc ngoại tình của bà T. Do đó, xét thấy ông N không có thiện chí để tìm ra giải pháp xóa bỏ mâu thuẫn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững mà mục đích của ông N chỉ để làm rõ hành vi tạo ra mâu thuẫn giữa vợ chồng, làm cho tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt thêm. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T ly hôn với ông N là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là: Tạ Thiên N1 (nữ) sinh ngày 26/7/2006; Tạ Thanh N2 (nam) sinh ngày 20/11/2009 và Tạ Ngọc N3 (nữ) sinh ngày 28/10/2011. Hiện ba con đang sống chung với bà T.

Đối với cháu Tạ Thiên N1 và Tạ Thanh N2 có nguyện vọng sống chung với bà T. Còn cháu Tạ Ngọc N3 hiện đang do bà T nuôi dưỡng và đang học tại Trường Tiểu học Lê Hồng Phong tại thành phố Sóc Trăng theo xác nhận của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lê Hồng Phong ngày 03/01/2018 (bút lục số 01).

Ngoài ra, do ông N không có nguyện vọng nuôi con nên để đảm bảo về sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 03 con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Do bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Do ông N không trực tiếp nuôi con nên dành quyền thăm nom con chung cho ông N theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Thị Thanh T.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Cho bà Trương Thị Thanh T được ly hôn với ông Tạ Thanh N.

2. **Về con chung**: Có 03 con chung là: Tạ Thiên N1 (nữ) sinh ngày 26/7/2006; Tạ Thanh N2 (nam) sinh ngày 20/11/2009 và Tạ Ngọc N3 (nữ) sinh ngày 28/10/2011.

Giao ba con cho bà Trương Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Tạ Thanh N theo quy định pháp luật.

3. **Về tài sản chung**: Không có nên không giải quyết.

4. **Về nợ**: Cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp, sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Bà Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 009419 ngày 22/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà T đã nộp xong án phí.

6. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang